

CON NGƯỜI CÔ ĐƠN TRONG THƠ ĐI SỨ
CỦA NGUYỄN ĐỀ

Phạm Chí Nguyễn

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ, Email: dangchinguyen.260819@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài báo: 19/9/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/9/2024; Ngày duyệt đăng: 01/11/2024

Tóm tắt

Nguyễn Đề là một trong những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, một thời kỳ đầy biến động của lịch sử. Chính vì lẽ đó mà thơ của ông ít nhiều phản ánh hình ảnh của con người cô đơn trước thời cuộc. Kế thừa những thành tựu đi trước, bài nghiên cứu này sẽ tập trung khai thác một khía cạnh mới hơn về hình ảnh con người cô đơn trong thơ Nguyễn Đề. Cụ thể, bằng phương pháp nghiên cứu phân tích - tổng hợp kết hợp với phương pháp cấu trúc - hệ thống, bài viết đi sâu khám phá hình ảnh con người cô đơn qua nỗi u hoài trên ba bình diện chính: nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ bạn bè và nỗi nhớ người thân. Qua đó nghiên cứu đóng góp một phần nhỏ vào quá trình nghiên cứu thơ ca của Nguyễn Đề.

Từ khóa: Con người cô đơn, Nguyễn Đề, thơ đi sứ.

THE SOLITARY FIGURE IN DIPLOMATIC POETRY
BY NGUYEN DE

Pham Chi Nguyen

Linguistics and Literature Department, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author, Email: dangchinguyen.260819@gmail.com

Article history

Received: 19/9/2024; Received in revised from: 28/9/2024; Accepted: 01/11/2024

Abstract

Nguyen De is one of the prominent authors in Vietnamese literature during the late 18th and early 19th centuries, a period marked by significant historical upheavals. Accordingly, his poetry often reflects the image of a solitary figure confronting the turbulent times. Building upon previous research achievements, this study aims to explore a new aspect of the solitary figure in Nguyen De's poetry. Specifically, employing the analytical - synthetic method combined with the structural - systematic approach, the article delves into the portrayal of the solitary figure through melancholic sentiments across three primary dimensions: nostalgia for the homeland, longing for friends, and yearning for family. This research, therefore, contributes more or less to the ongoing study of the poetic works by this poet.

Keywords: Diplomatic poetry, Nguyen De, solitary figure.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.4.2025.1491>

Trích dẫn: Phạm, C. N. (2025). Con người cô đơn trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(4), 80-87. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.4.2025.1491>.

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Đề là một trong những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Cùng với đó, ông còn giữ một vị trí quan trọng trong việc bang giao giữa các nước trong khu vực. Ông từng được triều Tây Sơn, triều Nguyễn cử đi sứ sang Trung Quốc nhiều lần. Cùng với Nguyễn Du, Nguyễn Hành, Nguyễn Đề là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho dòng tộc văn chương họ Nguyễn ở đất Tiên Điền. Sáng tác của Nguyễn Đề tập trung chủ yếu tái hiện những bước chân tiêu dao của người thi sĩ “dạo chơi” trên hành trình đi sứ. Tác giả đã ghi lại hết thảy những nét đặc sắc của khung cảnh non xanh nước biếc, sự nguy nga tráng lệ của các công trình nơi đất khách quê người. Tuy nhiên, đằng sau lớp áo hào nhoáng của cảnh vật nơi xứ bạn, thơ của Nguyễn Đề còn ẩn chứa trong đó hình ảnh của một con người cô đơn đậm nét phương Đông. Đó là tâm tư, nỗi lòng của một người tha hương lữ thứ cố gắng hoàn thành trách nhiệm với tổ quốc. Nỗi cô đơn chính vì thế trở thành cảm xúc chủ đạo trong hầu hết các sáng tác của Nguyễn Đề. Những cảm xúc đó được tác giả ghi lại trong hai tập thơ chữ Hán là *Quê Hiên ất giáp tập* và *Hoa trình tiêu khiển tập*. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu về vấn đề trên hiện nay còn khá khiêm tốn, hoặc chỉ dừng lại ở việc đối sánh, liên hệ với các tác giả cùng thời. Chính vì thế, việc tìm hiểu và đi sâu vào phân tích các khía cạnh của hình ảnh con người cô đơn trong thơ chữ Hán của Nguyễn Đề được xem là rất cần thiết. Bởi lẽ ở giai đoạn này “cùng với ý thức về quyền sống, ý thức về số phận con người cũng được nêu cao, những nỗi buồn, cô đơn,... trở thành niềm day dứt, thổn thức của nhà thơ” (Trần, 1999). Đó là “cánh cửa” quan trọng để khám phá đầy đủ và trọn vẹn sự tinh tế, sâu sắc trong cách ứng xử của con người trung đại giữa những biến động của lịch sử.

Con người cô đơn “hiểu một cách đơn giản, là cảm giác không có người hiểu, cảm thông, chia sẻ với mình, do đó riêng ôm nặng tâm tư, nỗi niềm chỉ mình mình hay biết” (Đoàn, 2015). Trong văn học, con người cô đơn thường phản ánh sự đa dạng và phức tạp của bản chất con người. Nó được thể hiện qua các khía cạnh như tâm lý, xã hội và văn hóa. Các tác giả sử dụng chủ thể trữ tình là “con người cô đơn” nhằm khám phá những vấn đề sâu sắc như tình yêu, đau khổ, đấu tranh, sự tìm kiếm bản sắc,... Con người cô đơn là một chủ đề nổi bật trong thơ Nguyễn Đề. Nó thể hiện

nỗi buồn, tâm trạng trầm trở của nhân vật trữ tình, lột tả sự tách biệt, mất mát và khát khao giao cảm, giữa không gian rộng lớn nơi đất khách quê người. Với bài viết này, người nghiên cứu sẽ tập trung khảo sát vào thơ đi sứ của Nguyễn Đề, dựa trên công trình khảo cứu sưu tầm “Thơ Nguyễn Đề tuyển” của tác giả Lê Quang Trường và “Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Đề” của tác giả Nguyễn Thị Phụng.

Từ việc kết hợp phương pháp phân tích - tổng hợp với cấu trúc - hệ thống, bài viết sẽ chỉ ra những biểu hiện của con người cô đơn trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề trên ba bình diện chính: nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ tri âm và nỗi nhớ người thân. Qua đó, bài viết góp phần cung cấp thêm một góc nhìn mới trong quá trình nghiên cứu thơ ca của Nguyễn Đề.

2. Nội dung

2.1. Con người cô đơn với nỗi sầu của kẻ tha hương lữ thứ

Trong văn hóa của người phương Đông, quê hương chính là điểm bắt đầu và cũng là điểm kết thúc cho một hành trình sống. Đó là nơi con người cất tiếng khóc chào đời, cũng là nơi họ đi vào giấc ngủ “nghìn thu”. Với người trung đại, dường như quan niệm ấy đã trở thành căn tính trong việc xác định hệ giá trị của một con người. Chính vì thế mà mỗi khi tách rời quê hương, họ dường như mất đi một điểm tựa quan trọng. Việc rời xa những gì được xem là thiêng liêng nhất, khiến con người dễ rơi vào tâm trạng khắc khoải, u hoài. Và Nguyễn Đề cũng không thể nào tránh khỏi điều đó, khi chính bản thân ông cũng đang sống trong bầu khí quyển văn hóa ấy. Lật dở từng trang thơ của Nguyễn Đề, người ta dễ dàng bắt gặp đâu đó hình ảnh của một con người cô đơn, lạc lõng trước cảnh sắc nơi xứ lạ quê người. Đó là một cái tôi cô đơn tràn ngập trong nỗi buồn nhớ quê tha thiết và ước vọng được sớm được quay về cố hương. Nhớ quê hương cũng là lúc nhân vật trữ tình tìm kiếm những mảnh “hồn quê” còn sót lại trong ký ức. Và khi đối diện với thực tại trơ trụi, con người khó thoát khỏi cảm giác cô đơn trống vắng đến nao lòng.

Con người cô đơn hiện lên trước hết qua nỗi sầu tư hương mãnh liệt nơi xứ lạ quê người:

“Hàn thanh đã động hương quan niệm

Phong lãnh xao tình lữ mộng hồn.”

(Hơi giá rét gõ động niềm nhớ quê

Gió lạnh đánh thức hồn mộng lữ khách.) (*Tân Ninh dạ phát*) (Lê, 2019)

Nỗi nhớ quê của nhân vật trữ tình luôn đau đáu và thường trực ngay cả lúc thi nhân trên đường di chuyển, chỉ cần một chút tác động của ngoại cảnh là có thể khơi dậy. Nỗi nhớ niềm thương cũng từ đó mà kéo về theo làn hơi giá rét “hàn thanh” và cơn gió lạnh “phong lãnh”. Giữa đêm khuya tịch tĩnh cô liêu, sự thức dậy của tình quê càng khiến “mộng hồn” người lữ khách cô đơn nay lại càng cô đơn hơn, biết tìm ai giải bày tâm sự giữa chốn mịt mù gió bụi. Không chỉ trên đường đi, mà ngay cả khi dừng chân bên quán, người lữ khách không lúc nào thoát khỏi sự cô đơn trống trải khi nhớ quê nhà:

“Đoạn vũ xao tàn giang thượng hứng

Tà phong đã động cổ hương tâm.”

(Mưa rào đánh tan hứng thú trên sông

Gió quái gợi nhớ nỗi lòng cổ.) (*Nguyệt dạ thứ Than Giang*) (Lê, 2019)

Dừng chân trong đêm trăng sáng ở bến Than Giang, lẽ ra người khách trọ nên nghỉ sau một chặng hành trình dài. Thế nhưng đoạn vũ tà phong (mưa rào, gió quái) làm nhân vật trữ tình không thể nào thư thái khi nỗi sầu tư hương vẫn còn đau đáu. Giữa mênh mông nơi đất lạ, người khách muốn “Dục cô muện tửu liên đồng quyện”, muốn mua rượu giải phiền nhưng thương trẻ đi vất vả. Giờ đây, người cô lữ chỉ còn biết làm bạn với nỗi cô đơn, ôm nỗi nhớ và xoa dịu trái tim mình qua tiếng hát của bác thuyền chài nơi thôn dã, dù chẳng hiểu hết tiếng “Ngọa thính ngư ca bất giải âm”. Có lẽ vì thế mà nỗi cô đơn như được lan tỏa khắp không gian đất trời rộng lớn.

Với người phương Đông, khoảnh khắc giao thừa hay dịp lễ tết là lúc con người ta quay trở về quê hương đoàn tụ bên gia đình. Thế nhưng Nguyễn Đề vì nhiệm vụ đi sứ mà không thể hồi hương, dù được tiếp đãi chu đáo và đón tết nơi xứ bạn, nhưng tâm hồn thi sĩ không thể nào thoát khỏi nỗi niềm cô đơn nhớ quê:

“Nhất tiêu tàn lập, tân xuân tứ

Vạn lý tha hương, cổ quốc tình.”

(Một trời tiếc xuân trong phút đông tàn

Vạn dặm tình quê hương trải nơi đất lạ.) (*Trừ tịch càn trình*) (Lê, 2019)

Hay:

“Giai tiết dị linh hương tứ động

Trường đồ bất cảm lữ tình khiên.”

(Ngày tết dễ khiến động nỗi niềm xa quê hương,

Đường dài chẳng cảm được mối tình lữ thứ.) (*Lữ trung nguyên đán*) (Lê, 2019)

Mùa xuân trăm hoa đua nở, vạn vật tươi mới thế nhưng điều đó không thể nào xoa dịu nỗi lòng của người xa xứ. Ngược lại càng làm tăng nỗi sầu nhớ quê nhà trong tâm thức của người lữ khách. Vẻ đẹp từ cảnh sắc mùa xuân như những “nhát cắt” tuy không mạnh nhưng từng đợt từng đợt cửa vào da thịt của người con vì trách nhiệm phải xa nhà. “Vạn lý tha hương” nghìn dặm xa quê làm cho nhân vật trữ tình trở nên bơ vơ nhỏ bé giữa đất lạ. Nỗi cô đơn cũng vì thế mà trở nên khắc khoải, u uất đến lạ thường. Người cô lữ đành phải gửi hết tâm tư của mình vào tiếng pháo nổ mong sao chút gió xuân có thể mang nỗi lòng này về nơi cố quốc xa xôi.

Càng nhớ quê bao nhiêu thì con người cô đơn càng khát khao được hồi hương bấy nhiêu. Hơn một lần, thi nhân muốn hóa thành cánh nhận để bay về nơi cố quốc:

“Qui tâm tôi hữu ngô đồng điệp

Song sí yên hà nhất nhận hoàn.”

(Ta cùng một nỗi lòng muốn trở về quê

Như cánh nhận sai đôi cánh bay về trong ráng chiều.) (*Chu trung mạn thành*) (Lê, 2019)

Hay:

“Đài vọng hốt liêu hương quốc tứ

Nam hoàn cô nhận nhiều không thanh.”

(Ngẩng nhìn cửa sông, chợt khơi thêm nỗi tình quê hương đất nước

Cánh chim nhận bay về nam, tiếng vọng cả bầu không.) (*Tam Giang khẩu chu trung tức cảnh*) (Lê, 2019)

Hóa thành cánh chim nhận không biết từ bao giờ đã trở thành khát khao mãnh liệt của người thi sĩ. Nhân vật trữ tình muốn được tự do, muốn thoát khỏi những trách nhiệm đang bủa vây. Để từ nơi đất khách, cánh chim ấy thông dong bay về phương nam, trở về quê hương sau ngàn ấy thời gian xa cách. Hình ảnh “cô nhận nhiều không thanh” đó là một con chim nhận cô độc bay giữa hư không, điều đó làm ta liên tưởng đến tâm trạng cô đơn hiện tại của tác giả. Nhận cô độc hay người cô đơn thực ra đều chung một nỗi niềm đó là bơ vơ lạc lõng giữa mênh mông, không tìm thấy điểm tựa nơi xứ lạ. Cả hai đều tìm hướng quay trở về tổ ấm của mình sau những mệt mỏi của cuộc sống. Chỉ khác con chim nhận còn được “nam hoàn” trở về phương Nam trong ráng chiều bảng lảng, còn với kẻ lữ thứ điều đó chỉ là nỗi niềm đau đáu, chỉ có thể “Đài vọng hốt liêu hương quốc tứ”, ngẩng đầu

ngước nhìn cửa sông mênh mông mà chợt khơi thêm nỗi lòng nhớ nước. Với việc sử dụng motif đăng cao và hồi thủ của Đường thi, Nguyễn Đề đã làm tăng thêm giá trị biểu đạt cho hình ảnh “cô nhận”, khiến cho nỗi nhớ vì đó mà trở nên mênh mang sâu thẳm. Nếu hồi thủ là cách để chủ thể trữ tình hồi tưởng về quê hương thì đăng cao chính là cách nhân vật trữ tình trông về cố quốc xa xôi cách trở.

Mong mỗi được quay về cố hương càng trở nên mạnh mẽ hơn khi người khách lạ đang đếm nỗi nhớ qua từng ngày:

“Thoa phi thời tự thể tương chu

Vạn lý thê lương động lữ sầu

[...]

Phóng nhãn bất tri nan tự khiển

Nhật Nam, Thần Bắc lưỡng du du.”

(Thời gian thấm thoát như thoi đưa, đã giáp lại một năm,

Muôn dặm đường lạnh lẽo gợi nỗi buồn đất khách.

[...]

Phóng tầm mắt trông mà sầu khôn nguôi

Trời Nam cõi Bắc hai nẻo thật xa vời.) (*Tàn đông lữ tứ*) (Lê, 2019)

Mỗi ngày trôi qua đồng nghĩa với nỗi nhớ càng trở nên sâu đậm. Một năm là khoảng thời gian mà Nguyễn Đề đã phải trải qua muôn dặm đường lạnh lẽo nơi đất khách. Điều đó khiến cho nhà thơ nhìn đâu đâu cũng gợi một nỗi sầu tư hương. Trời Nam đất Bắc thật xa cách trở, chỉ có thể nhớ mà không thể chạm. Trong hoàn cảnh ấy dù cứng rắn đến mấy cũng sẽ có lúc con người ta cảm thấy cô đơn, lạc loài. Giữa tàn đông nơi xứ người, thi nhân dường như cố gắng quên đi cảm giác cô đơn, tập trung làm nhiệm vụ và tính ngày quay về:

“Ưc nhàn ám toán lai niên lập

Ky cứ vân thôn tửu chính hàm.”

(Lúc rảnh nhâm tính vào tháng chạp năm sau,

Thì mình được thoải mái ngồi ở làng quê mà uống rượu thật say.) (*Tín Dương tảo hành*) (Lê, 2019)

Hay:

“Quan quang thả cánh Trung Châu thẳng

Ám số quy kỳ định cách xuân.”

(Đi sứ xem xét phong tục hãy trải hết thẳng cánh cõi Trung Châu

Lòng thầm tính ngày về, chắc hẳn phải mùa xuân sau.) (*Minh Giang giải lã*) (Lê, 2019)

Nguyễn Đề không chỉ đang đếm nỗi nhớ qua thời gian đã trôi mà ông còn tính luôn ngày mình được hồi hương. Sự trông đợi ấy càng khiến niềm hy vọng được về nhà trở nên mãnh liệt hơn. Và có lẽ đây là điểm tựa duy nhất của con người cô đơn lạc lõng nơi đất khách quê người trên hành trình hoàn thành trách nhiệm với tổ quốc.

2.2. Con người cô đơn với nỗi lòng tri âm đồng vọng nơi đất khách

Người Việt Nam nói chung và người trung đại nói riêng, ngoài những mối quan hệ cố hữu thì tình bạn đóng một vai trò khá quan trọng. Những tích truyện như Lưu Bình - Dương Lễ cũng từ đó mà ra đời. Nguyễn Đề cũng thế, nhà thơ cũng có những tâm sự, nỗi niềm riêng cần được chia sẻ, thấu hiểu bởi những người tri kỷ của mình. Trên hành trình tha hương mưu cầu việc lớn đã hơn một lần nhà thơ khát khao thực hiện điều đó với những người tri âm. Thế nhưng hoàn cảnh tha hương giữa nơi đất khách quê người đã không cho phép người thi nhân thực hiện điều đó. Hình ảnh con người cô đơn qua nỗi nhớ tri âm cũng từ đó hiện lên một cách rõ nét:

“Dao ước vân thôn hồng nhận lữ

Vi lô chính nhĩ yếm sài môn.”

(Từ xa nhớ bạn bè như hồng nhận ở làng mây

[Chắc giờ này] đang lúc đóng cửa sài ngôi sưởi ấm bên lò lửa.) (*Tân Ninh dạ phát*) (Lê, 2019)

Khoảnh khắc đêm tối buông xuống ở mảnh đất Tân Ninh đã khiến nhà thơ không cảm lòng được mà nhớ đến bạn bè nơi quê nhà. Bởi đêm tối chính là cơ hội để nhân vật trữ tình quay về với chính mình. Nó đã làm khơi dậy tâm trạng cô đơn khắc khoải của chủ thể trữ tình. Nhân vật trữ tình đã so sánh nỗi nhớ tri âm của mình như cánh chim hồng nhận được ở trong làng mây (ám chỉ quê hương). Đề từ đó nhà thơ liên tưởng đến những người bạn thông thả của mình nơi quê nhà. Không thể hỏi thăm trực tiếp, nhà thơ chỉ còn cách đi sâu vào tâm tưởng, tưởng tượng lúc này đây họ - những người tri âm của mình, đang lúc đóng cửa sài ngôi sưởi ấm bên bếp lửa bập bùng mà thôi. Nỗi cô đơn của con người như đám bọt nước có thể vỡ tan khi những đợt “sóng lòng” ập đến:

“Nham yên đạm đăng liêu tân tứ

Trúc thụ y hy ức cự du.”

(Khói núi ngàn ngút khơi thêm nỗi sầu mới

Khóm trúc lơ thơ khiến nhớ đến bạn xưa.) (*Vĩnh Thuần dạ bạc*) (Lê, 2019)

Từng con nước mênh mang của bến Vĩnh Thuận như kéo dầy nỗi niềm cô đơn của người lữ khách. Hình ảnh “nham yên” (khói núi) mang đến cảm giác gần gũi thân thuộc của quê nhà Tiên Điền. Qua đó, nó làm cho nỗi nhớ tri âm trở nên mãnh liệt và tha thiết hơn. Hình ảnh khóm trúc lưa thưa gợi nhắc đến những tích xưa về sự thắng ngay chính trực của người quân tử. Nhìn trúc nhớ bạn cũng là cách để nhân vật trữ tình nhắc nhở chính mình về sự hiện hữu mong nhớ của những người tri kỷ keo sơn nơi cố hương.

Nỗi lòng thương nhớ bạn bè nơi quê nhà không chỉ được gợi nhắc qua hình ảnh thiên nhiên mà còn trở thành đối tượng trong một số sáng tác của Nguyễn Đề:

“Tứ kỳ Bắc quận Ôn Như Tử

Đệ độ dật Nam tân Hải Phái huỳnh

[...]

An đắc nhị nhân tương bả ác

Đồng đẳng Thái Hòa phủ phủ bình.”

(Tứ thơ kỳ lạ có Ôn Như Tử ở quận Bắc

Đệ độ vận cao vôi có anh Hải Phái ở bến Nam

[...]

Làm sao có thể được cùng hai người nắm tay nhau.

Cùng lên núi Thái Hòa cúi xuống nhìn bèo trôi.)
(*Đồ trung ngẫu ức lão khế Ôn Như Tử tâm khế Hải Phái huỳnh*) (Lê, 2019)

Hay:

“Mỗi nhân thắng cảnh liêu tân tứ

Trùng tụng giai nhân ngâm ức cố tri

Thử địa Động Đình kim dạ nguyệt

Sào Ông hà xứ sử nhân tư.”

(Mỗi lần gặp cảnh đẹp gọi lên ý thơ mới,

Lại ngâm một khúc thơ hay nhớ cố nhân.

Trăng đêm nay ở đất này, nơi hồ Động Đình,

Mà Sào Ông ở chốn nao khiến người ta nhớ nhung.) (*Nguyệt dạ đề Nhạc Châu dao vọng Động Đình hồ khẩu, nhân ức tâm hữu Đoàn Hải Ông*) (Lê, 2019)

Hải Phái huỳnh (Sào Ông) hay Ôn Như Tử (Nguyễn Gia Thiều) chính là hai người tri âm tri kỷ của Nguyễn Đề. Trong lúc cô đơn nơi xứ xa, thi nhân nhắc đến bạn mình như để quên đi nỗi buồn âm ỉ của kẻ tha hương. Giữa khung trời thơ mộng, con người cô đơn lạc loài ấy khát khao một lần được cùng bạn mình ngâm thơ xướng họa. Thế nhưng hiện

tại lại thật phũ phàng, trăng sáng Động Đình hay sáng trời nơi Thái Hòa giờ đây chỉ càng làm nổi cô đơn trở nên tăng tiến hơn. Ước mong nắm tay tri kỷ thưởng trăng, cùng nhìn xem danh vọng tựa bèo trôi của kẻ lữ khách cô đơn chỉ còn sự đồng vọng bất thành, đầy nuối tiếc và hụt hẫng. Nỗi nhớ dâng trào cũng là lúc nỗi cô đơn trở nên sâu thẳm khắc khoải. Nỗi lòng thương nhớ tri âm cùng theo đó mà vang vọng nơi phương trời xa xôi. Nhớ bạn đã đành, nhà thơ còn đặt ra nghi vấn liệu những người cùng mình “nâng chén hợp nguyệt” ấy, có thực sự lo lắng cho hoàn cảnh bơ vơ nơi chân trời góc bể của mình chăng!

“Muộn ý cô bồng chắm điếm lương

[...]

Bất tri hương quốc ngân hoa yển

Tằng phủ hoài ngô tại viễn phương.”

(Buồn dựa mui thuyền, một mình gói đầu trên chiếu mát lạnh

[...]

Không biết ở quê nhà đang mở tiệc ngâm thơ thưởng hoa

Có từng nhớ đến ta ở phương xa?) (Trùng Dương) (Lê, 2019)

Tết Trùng Dương hay Trùng Cửu mà Nguyễn Đề nhắc đến, gợi đến tích xưa của Hoàng Cảnh đời hậu Hán. Từ những ý nghĩa ban đầu là dịp để diệt sâu bọ, tết Trùng Dương chuyển sang là dịp để cho tao nhân mặc khách cùng nhau lên núi cao làm thơ, ẩm tửu. Thế nhưng với Nguyễn Đề điều đó chỉ còn trong quá khứ xa xôi hay mơ mộng mà thôi. Bởi lẽ thực tại đã kéo thi nhân về với nỗi cô liêu hoang vắng khi một mình cô đơn dựa mui thuyền trong đêm tịch tĩnh. Trong hoàn cảnh ấy, con người cô đơn càng khắc sâu nỗi buồn và khát khao được tâm sự cùng bạn mình. Nỗi nhớ lan sang tâm tưởng, khiến nhà thơ bất giác tự hỏi, liệu chẳng những người bạn nơi quê nhà mở tiệc có nhớ người bôn ba nơi phương xa. Câu hỏi tu từ ấy một lần nữa cho ta thấy khát khao được trở về quê, khát khao được thoát khỏi nỗi cô đơn sâu thẳm càng trở nên tha thiết hơn bao giờ hết. Và hơn một lần tác giả cảm thán như thế:

“Bất tri cố quốc nhân

Tằng phủ niệm hành dịch.”

(Không biết người ở quê hương đất nước

Có từng nghĩ cho người đi làm việc xa?) (*Tra Giang chu trình*) (Lê, 2019)

Câu hỏi dường như không có câu trả lời khi người Bắc kẻ Nam xa xôi diệu vợi. Sự cách trở xa xôi ấy khiến cho nỗi nhớ người tri âm tri kỷ trở nên sâu sắc hơn. Chính sự mất kết nối ấy càng khiến cho con người cô đơn trở nên khắc khoải hơn khi liên tục đặt ra những nghi vấn. Nỗi buồn vì thế mà trở nên dạt dào hơn còn nỗi nhớ thì mệnh mang hoang hoải nơi tha hương viễn xứ.

2.3. Con người cô đơn với nỗi lòng thương nhớ người thân nơi quê nhà

Bên cạnh nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ tri âm tri kỷ, con người cô đơn qua nỗi u hoài trong thơ chữ Hán của Nguyễn Đề còn được thể hiện rõ nét qua nỗi lòng thương nhớ người thân nơi quê nhà. Điều này vốn dĩ xuất phát từ đặc trưng văn hóa nông nghiệp lúa nước, khi gia đình giữ một vị trí quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt. Dù có đi bất cứ nơi đâu thì gia đình luôn được xem là cột mốc đánh dấu để con người xác định phương hướng trở về. Điều đó xuất phát từ tính chất tập thể trong cách bố trí, sắp xếp đời sống của cư dân nông nghiệp qua hàng ngàn năm. Trong thơ Nguyễn Đề, hình ảnh con người cô đơn khắc khoải với nỗi nhớ gia đình tha thiết được tác giả nhắc đến nhiều lần. Trước hết đó là nỗi hoài nghi, liệu gia đình có lo lắng cho ta:

“Tự gia cư giả như tương ước

Vị tất tri dư dạ sấn trình.”

(Những người ở nhà nếu như có nhớ đến nhau

Chắc hẳn không biết đêm nay ta đang trên đường đi.) (*Trừ tịch cấn trình*) (Lê, 2019)

Niềm hân hoan phấn khởi của sắc xuân trong lúc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, cũng không thể nào làm dịu đi nỗi nhớ người thân nơi quê nhà của kẻ cô lữ. Nếu không vì nhiệm vụ, thì có lẽ trong đêm giao thừa này, nhân vật trữ tình có thể quay trở về đoàn tụ bên gia đình. Nhưng tiếc thay, đó chỉ là ước vọng bất thành. Bất giác giữa những cảm xúc mơ hồ, con người cô đơn chỉ biết tự vấn chính mình, liệu chẳng những người thân ở quê có nhớ đến ta nhưng dù có nhớ đi chăng nữa thì cũng chẳng biết đêm nay ta đang trên đường đi! Một lần nữa nỗi cô đơn không réo gọi vẫn quay về ồ ạt. Con người giờ đây chỉ biết thui thủi một mình, âm thầm hoàn thành sứ mệnh, mặc cho ngoài kia có biết bao gia đình quây quần bên nhau trong đêm nay. Vị cô khách giờ đây chỉ có thể khát khao, tiếc nuối và thất vọng tràn trề.

Mỗi dịp giỗ người thân nơi quê nhà, con người trong thơ Nguyễn Đề càng trở nên cô đơn hơn bao giờ hết:

“Kính đông ky lữ nhất cô nhi

Mỗi ngộ lẫm thi bội cảm thì.

(Giữa đất khách trong mùa đông, có một đứa con cô cút,

Mỗi khi đến ngày giỗ là lúc cảm thương gấp bội.) (*Đồ trung ngộ hỷ*) (Lê, 2019)

Hay:

“Thần đạo bi thành động thập niên

Nhất phùng như nhật nhất san nhiên

[...]

Lâm thời bội thiết tha hương cảm

Hàm lệ dao kiều cố quốc thiên.”

(Từ lập bia mộ anh nay đã trải mười năm

Mỗi khi gặp ngày này là mỗi lần đầm lệ

[...]

Gặp lúc này, nỗi niềm tha hương càng thêm thê thiết

Nuốt lệ xa ngóng về vùng trời quê hương.) (*Cung ngộ thân huynh Thái Bảo công hỷ thần hữu cảm*) (Lê, 2019)

Cũng giống như dịp lễ tết, ngày giỗ là một trong những ngày quan trọng trong năm. Khi ấy, con cháu sẽ cùng nhau quây quần bên nhau ôn lại những công lao, kỷ niệm của ông bà tổ tiên, người thân trong gia đình. Đồng thời những người thân còn hiện tiền sẽ thắp nén hương thơm để tưởng nhớ đến những người quá cố. Nhưng giữa nơi đất khách quê người, mong muốn ấy của chủ thể trữ tình đành gác lại, bởi khoảng cách địa lý và tính chất công việc. Trong bài “Đồ trung ngộ hỷ”, đó là nỗi lòng “cô nhi”, đứa con đã mồ côi cha mẹ gặp ngày giỗ nhưng không thể quay về. Giữa trời đông buốt lạnh, người cô nhi chỉ còn cách vượt khoảng cách tâm tưởng để về bên gia đình. Càng nhớ cha mẹ bao nhiêu thì nỗi cô đơn càng mãnh liệt bấy nhiêu. Người con chỉ biết khóc thương cha mẹ trong nỗi cô đơn nơi tha hương lữ thứ. Chữ hiếu thôi đành tạm gác lại. Nếu “Đồ trung ngộ hỷ” là tiếng lòng cô đơn của con người khi chứng kiến cảnh giỗ của cha mẹ từ nơi phương xa, thì “Cung ngộ thân huynh Thái Bảo công hỷ thần hữu cảm” là nỗi buồn của người em “cô lữ” trong ngày giỗ của anh mình từ nơi đất khách quê người. Thái Bảo công mà Nguyễn Đề nhắc

đến chính là Nguyễn Khản, người anh cùng cha khác mẹ với ông. Trên đường đi sứ, thi nhân gặp ngày giỗ anh mình mà nhớ lại những chuyện đã qua. Đã mười năm kể từ ngày anh mình vắng bóng, thế nhưng mỗi lần giỗ là mỗi lần nhà thơ đắm luyến vì nhớ anh. Nay lại càng đặc biệt hơn khi bản thân nhà thơ lại đang một mình nơi đất khách. Nhớ anh cũng là lúc nhà thơ bồi hồi nhớ quê, bồi quê hương đã chứa đựng một phần ký ức về người anh mà tác giả thương mến. Nỗi niềm cô đơn của người lữ khách cũng theo đó mà trở nên mãnh liệt hơn. Nhân vật trữ tình chỉ còn cách nuốt lệ vào trong và ngóng vọng về quê nhà.

Nỗi cô đơn trong thơ Nguyễn Đề còn được thể hiện qua nỗi nhớ đến tổ ấm nhỏ của tác giả:

“Diêm hải bi hoan chân diệp ảo

Trần hoàn tụ tán mộng do kinh

Thanh Trì địa quỳnh thê nhi viễn

Tuyền yết phong hào vô khóc thanh.”

(Nỗi vui buồn nơi địa ngục, thật mà như ảo

Sự hợp tan, nơi cõi trần gian mơ vẫn giật mình

Đất Thanh Trì vời vời, vợ con xa cách

[Nơi đây] chỉ có tiếng gió gào, suối nghẹn ngào mà không tiếng khóc.) (*Tịch thú chi nghĩa dịch, văn Lạng Sơn hiệp trấn Tô Xuyên hầu*) (Nguyễn, 1995)

Chỉ vài dòng ngắn gọn nhưng đoạn thơ đã cho ta thấy nỗi khắc khoải của con người cô đơn về lẽ buồn vui ở đời như một trò hư ảo. Tạo hóa thật khéo bày những viễn cảnh ngăn cách chia ly. Sự hợp tan nơi cõi trần gian như một cơn huyền mộng, khiến nhân vật trữ tình nhiều lần giật mình. Bởi lẽ mới hôm trước còn vui vẻ cùng với vợ con nơi quê nhà Thanh Trì, ngoảnh lại nay đã xa cách vạn dặm. Nhớ vợ con càng làm cho con người cô đơn bơ vơ hơn bao giờ hết. Trái với khung cảnh náo nhiệt của tiếng trẻ con đùa vui nơi quê nhà, thi nhân giờ đây chỉ còn cách làm bạn với gió gào, với tiếng suối xa xa nào nùng lạnh lẽo. “Vô khóc thanh”, không một tiếng khóc giữa nỗi nhớ, đó là sự cứng rắn của người đàn ông mang trong mình chí nam nhi mạnh mẽ hay là sự cắn răng nuốt nước mắt vào trong như một lẽ thường tình! Dù là cách hiểu nào thì cũng đều gọi cho người đọc sự thấu cảm với nỗi lòng cô đơn, hiu quạnh của kẻ viễn khách nơi tha hương cô liêu.

Con người cô đơn trong thơ của Nguyễn Đề còn được thể hiện qua nỗi nhớ em tha thiết. Người em xuất hiện nhiều trong thơ của ông không ai khác chính là Nguyễn Du. Đường như tình cảm anh em

của họ đã vượt lên trên tình nghĩa thông thường mà trở thành tình tri âm tri kỷ sâu sắc. Nguyễn Đề nhớ đến em ngay cả trong mộng:

“Nhất niên tiêu biệt ưng vô kỷ

Lưỡng địa tương tư lượng bất thù

Hình ảnh tuy dao đâm tiểu cận

Mộng hồn dạ dạ hướng Quỳnh Châu.”

(Tạm xa nhau một năm chẳng là bao

Dù hai nơi mà nỗi nhớ nhau không khác mấy

Hình bóng tuy xa, tiếng nói cười như gần gũi

Hồn mộng đêm đêm thường hướng về Quỳnh Châu.) (*Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tố Như Tử*) (Lê, 2019)

Tạm xa nhau một năm thế nhưng với Nguyễn Đề đó là khoảng thời gian dài đằng đằng ông sống cô đơn trong nỗi nhớ em tha thiết. Bởi hơn ai hết, Nguyễn Đề thương cảm trước cuộc đời cơ cực của Nguyễn Du. Miên man trong nỗi nhớ, nhà thơ tự an ủi khoảng thời gian ấy chẳng là bao. Khoảng cách địa lý đã làm cho nỗi nhớ trở nên mãnh liệt. Nhà thơ luôn có cảm tưởng rằng lúc nào Nguyễn Du cũng ở bên mình “hình ảnh tuy dao đâm tiểu cận” (hình bóng tuy xa, tiếng nói cười như gần gũi). Và đến cả trong mơ nhà thơ cũng mơ về Quỳnh Châu, nơi em mình đang sống một cuộc đời vất vả, chí lớn chưa thành, lênh đênh phận bạc.

Không chỉ lo lắng cho em, Nguyễn Đề còn nhớ đến em trong mỗi dịp được thưởng thức món ngon vật lạ hay lúc đứng trước cảnh đẹp nơi quê người:

“Tinh trì mai dịch quân tư ngã

Vân cách du hương ngã ức quân

Mỗi hướng phẩm đề hoài lão tử

Nam tương ly hợp vấn hồng quân.”

(Đường sứ rong ruổi trong đêm sao, em nhớ đến anh

Chốn quê hương nhìn mây cách vời, anh nhớ thương em

Mỗi lúc làm thơ anh nhớ đến tứ thơ hay của em

Nhưng khó đem nỗi hợp tan mà hỏi tạo hóa.)

(*Đạm lê hoài đệ*) (Lê, 2019)

Hay:

“Quá kiêu lập mã nhận kiêu danh

Đường Đệ phương thiên động hữu tình.”

(Qua cầu dừng ngựa để xem cho rõ tên cầu

Trên cầu Đường Đệ nơi trời xa khiến động mỗi
tình anh em.) (*Kinh Đường Đệ kiều hoài Tổ Như đệ*)
(Lê, 2019)

Cả hai bài thơ đều cho thấy nỗi nhớ mà Nguyễn
Đề dành cho Nguyễn Du. Không lúc nào nhà thơ
quên đi em mình cơ cực nơi quê nhà. Nhớ đến em,
nhà thơ còn nhớ đến những bài thơ tuyệt thế của em
minh. Và có thể nói điều đó khiến cho nỗi cô đơn
của nhân vật trữ tình lớn hơn bao giờ hết. Không chỉ
nhớ thương em, nhiều lần Nguyễn Đề còn lo lắng
và mong muốn Tổ Như quay về bên mình nếu cuộc
sống quá khó khăn.

“Tổ Như hà xứ trú?

Linh lạc tới kham ai

[...]

Giải ngã tương tư khổ

Từ huê ấu tử lai.”

(Tổ Như giờ ở nơi nào?

Lưu lạc thật là đáng thương

[...]

Nếu hiểu được nỗi khổ thương nhớ của anh

Thì từ từ đất mấy cháu nhỏ đến đây.) (*Hoài Tổ
Như đệ*) (Lê, 2019)

Bài thơ là sự lo lắng của tác giả dành cho em
minh, mong muốn được hồi hương để trở về thăm
em. Ngoài những bài thơ đã phân tích trên Nguyễn
Đề còn nhiều bài thơ khác viết cho em mình. Trong
đó có đến 5 bài “Tống Tổ Như đệ tự Phú Xuân kinh
Bắc hoàn, ngũ thủ” (Tiễn em Tổ Như từ kinh đô Phú
Xuân về Bắc). Dường như “giữa ông anh Nguyễn
Đề và người em Nguyễn Du, tài năng cách biệt, chí
hướng cách biệt. Nhưng họ yêu thương nhau. Trong
cuộc đời lắm u buồn của Nguyễn Du, thì đó cũng là
những tia nắng ấm” (Mai & cs, 2015). Còn riêng với
Nguyễn Đề thì tình thương và nỗi nhớ ấy chính là
điểm tựa vững chắc để nhà thơ cố gắng vượt qua nỗi
cô đơn của chính mình nơi tha hương lữ thứ.

Nhìn chung con người cô đơn một lần nữa đã
thể hiện rõ nét trong thơ của Nguyễn Đề, qua nỗi nhớ
thương và khát vọng được hồi hương được đoàn tụ
bên người thân và gia đình. Tuy nỗi nhớ khiến cho con
người trở nên cô đơn hơn bao giờ hết, bởi khát khao
được thấu cảm, san sẻ trước những khó khăn của kẻ
cô lữ tha hương. Song, theo một chiều hướng nào đó
nỗi cô đơn cũng chính là điểm tựa để con người bầu
vui và cố gắng hoàn thành công việc, trách nhiệm.

3. Kết luận

Nỗi u hoài như một phương diện quan trọng
để xác định hình ảnh của con người cô đơn. Trong
thơ đi sứ của Nguyễn Đề, nỗi nhớ được thể hiện
trên nhiều phương diện khác nhau, trải dài từ quê
hương, bạn bè đến người thân. Nỗi nhớ trở thành
người bạn đồng hành cùng thi nhân trong suốt hành
trình bốn ba. Nó luôn thường trực trong tâm hồn thi
sĩ dù là lúc đi trên đường hay lúc nghỉ ngơi. Sự xuất
hiện của nỗi nhớ đã làm cho con người trở nên cô
đơn quanh quẩn, càng khát khao mong muốn trở về
cố hương con người càng rơi vào cô đơn, thất vọng
nào núng. Nỗi nhớ đã khơi gợi cô đơn sâu thẳm của
chủ thể trữ tình, làm tăng thêm tâm trạng tha hương
của người lữ khách. Cô đơn cũng là lúc con người
ta cảm thấy lạc lõng nhỏ bé hơn bao giờ hết chính vì
thế mà nỗi nhớ trở nên dạt dào thấm thiết. Sự song
hành của con người cô đơn và nỗi u hoài đã làm cho
những bài thơ của Nguyễn Đề lay động lòng người
với những xúc cảm thâm mỹ sâu sắc. Tuy vậy, ở
một khía cạnh nào đó, nỗi nhớ cũng mang một chiều
hướng tích cực nhất định.

Thông qua việc khảo sát con người cô đơn
trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề, bài viết đã phân nào
cung cấp thêm một góc nhìn trong quá trình nghiên
cứu, tiếp nhận thơ ca của ông. Đó cũng là cơ sở,
điều kiện quan trọng để các công trình nghiên cứu
tiếp theo có thể đi sâu khám phá thế giới nghệ thuật,
khảo sát đặc điểm của thơ đi sứ Việt Nam thế kỷ
XVIII - XIX nói riêng và thơ đi sứ Việt Nam thời
trung đại nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn, T. V. (2015). *Nguyễn Du và nỗi cô đơn sâu
thẳm của đời người*. Thành phố Hồ Chí Minh:
NXB Văn học.
- Lê, Q. T. (2019). *Thơ Nguyễn Đề tuyển*. Thành phố
Hồ Chí Minh: NXB Văn học.
- Mai, Q. L., & Nguyễn, M. H. (2015). *Nguyễn Du
toàn tập* (Quyển 1). Thành phố Hồ Chí Minh:
NXB Văn học.
- Nguyễn, T. P. (1995). *Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn
Đề*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học
Xã hội.
- Trần, Đ. S. (1999). *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung
đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc Gia
Hà Nội.